SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 781 /QĐ-BVSNTV

Nguyệt Hóa, ngày 19 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính: Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa Học – Kỹ thuật ngày 09 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ báo giá của Công ty TNHH Thiết Bị Duy Minh ngày 07/8/2026;

Căn cứ báo cáo của Tổ thực hiện công việc cho bên mời thầu ngày 28/9/2026;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-BVSNTV ngày 13/10/2026 về việc phê duyệt dự toán mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng);

Căn cứ Tờ trình số 74/TTr-TTHCVCBMT ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Tổ THCVCBMT Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng);

Căn cứ báo cáo thẩm định số 11/BC-TTĐKHLCNT ngày 18/11/2026 của Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ THCVCBMT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH
BỆNH VIỆN SẢN-NHI TRÀ VINH

Lê Minh Dũng

Phụ lục
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ TOÁN MUA HOÁ CHẤT CHO MÁY MIỄN DỊCH ACCESS 2 TRIỂN KHAI IUI (BAO GỒM 18 MẶT HÀNG)
(Kèm theo Quyết định số: 781 /QĐ-BVSNTV ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
01	Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh	Mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng)	Mua hoá chất cho máy miễn dịch Access 2 triển khai IUI (bao gồm 18 mặt hàng)	170.000.334	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ khác	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quí IV/2026	Theo đơn giá cố định	18 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 170.000.334 đồng (Một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi bốn đồng)												

DANH MỤC CHI TIẾT

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương (heparin) người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai vị trí (kiểu "sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–1500 ng/mL [µg/L]. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	200	27.195	5.439.000
2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 10, 50, 200, 500, 1500 ng/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	48	141.246	6.779.808
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme một bước đồng thời (kiểu "Sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,02-24 ng/mL [0,14-171 pmol/L]. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	388.206	38.820.600
4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,16; 0,6; 4; 10 và 24 ng/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	12	779.688	9.356.256

5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0,2–250 mIU/mL [IU/L]. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	40.698	4.069.800
6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 2, 10, 25, 100 và 250 mIU/mL (IU/L) Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	24	155.442	3.730.608
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng progesterone trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme liên kết cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 0,1-40 ng/mL [0,32-127,2 nmol/L] Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	40.698	4.069.800
8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng progesterone trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 1, 4, 10, 20 và 40 ng/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	16.5	246.792	4.072.068
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng estradiol	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng estradiol trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym gắn cạnh tranh; Dải đo: xấp xỉ 15–5200 pg/mL [55,1–19089 pmol/L]. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	46.536	4.653.600

10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng estradiol	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng estradiol trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 11, 32, 292, 885 và 5200 pg/mL (40,4; 117; 1072; 3249 và 19089 pmol/L) Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	14	331.674	4.643.436
11	Thuốc thử xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng virus rubella	Test	Thuốc thử xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym sử dụng kỹ thuật gián tiếp; Dải đo: xấp xỉ 10–500 IU/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	62.055	6.205.500
12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng virus rubella	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng virus rubella trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; 06 mức nồng độ 0, 10, 25, 50, 200, và 500 IU/mL IgG kháng rubella ở người Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	6	1.034.124	6.204.744
13	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus rubella	Test	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: bắt giữ miễn dịch; Dải đo: 0–60 AU/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	105.777	10.577.700
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus rubella	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	4	2.847.726	11.390.904

15	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng CMV	Test	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus (CMV) trong huyết thanh và huyết tương người (chống đông bằng EDTA, heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich"); Dải đo: xấp xỉ 0-400 AU/mL. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	117.621	11.762.100
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng CMV	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus (CMV) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	6	2.584.995	15.509.970
17	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng CMV	Test	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng CMV trong huyết tương (chống đông bằng heparin hoặc EDTA) và huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme hai bước. Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	100	155.946	15.594.600
18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng CMV	ml	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng CMV trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Tiêu chuẩn: ISO hoặc CFS	2	3.559.920	7.119.840
Tổng cộng: 170.000.334 đồng (Một trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi bốn đồng)						